

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
Tỉnh Hậu Giang**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 20-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
cầm cố và vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Trung

2. Bà Lê Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S1 tiền có ngay (sau đây gọi tắt là C).

Địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1999 – Nhân viên

Địa chỉ: Số H, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Văn K trình bày như sau:

Vào ngày 16/12/2020, giữa C và ông Nguyễn Văn S có ký hợp đồng cầm cố tài sản số BHM201201018NA18X. Theo đó, ông S cầm cố cho C (một) xe máy biển số kiểm soát 95H1-411.06 loại xe Honda Vision 110cc F1, màu đỏ đen, số khung 5811JY024467, số máy JF66E1099275, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 033182 do Công an tỉnh H cấp ngày 28/9/2018 để vay số tiền 17.000.000đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng, tính từ ngày 16/12/2020 đến ngày 16/12/2021, mức lãi suất là 1.1%/tháng. Phí thẩm định tài sản là 4%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hồ sơ và ngày nhận tiền, phí trả chậm tương đương 150% lãi suất quy định và phí quản lý hồ sơ. Phương thức thanh toán gốc, lãi vào ngày 16 hàng tháng, trong vòng 12 tháng kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2021, mỗi tháng trả 1.928.864,64đồng.

Sau khi ký hợp đồng, C đã giải ngân đầy đủ số tiền 17.000.000đồng cho ông S. Đồng thời, do nhu cầu cần có xe đi lại nên ông S mượn lại xe mô tô đã cầm cố, ký giấy mượn xe, thời hạn mượn xe từ ngày 16/12/2020 đến ngày 16/12/2021.

Quá trình trả nợ, ông S chỉ thanh toán nghĩa vụ được 06 kỳ. Tính đến ngày 22/6/2024, ông S còn nợ C 30.068.573đồng. Trong đó, nợ gốc là 9.759.091đồng, lãi trong hạn là 3.954.058đồng, lãi quá hạn là 1.977.029đồng, phí thẩm định tài sản hàng tháng là 14.378.394đồng.

C đã nhiều lần nhắc nhở ông S, yêu cầu thanh toán nợ, tuy nhiên ông S không thực hiện. Vì vậy, C khởi kiện yêu cầu ông S trả cho C số tiền 30.068.573đồng.

Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 20 tháng 01 năm 2025, C chỉ yêu cầu ông S trả nợ gốc và lãi, rút lại yêu cầu đòi phí thẩm định tài sản. Cụ thể, C chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả nợ còn lại tính đến hết ngày 20 tháng 01 năm 2025 là 20.254.707đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bảy năm lẻ bảy đồng) bao gồm các khoản sau:

- + Số tiền gốc còn lại: 9.759.091đồng
- + Lãi trong hạn: 3.954.058đồng
- + Tiền lãi quá hạn: 6.541.558đồng

Quá trình tố tụng bị đơn là ông Nguyễn Văn S dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án nên Tòa án không lấy được lời khai của ông S.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Phạm Văn K vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Nguyễn

Văn S vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 309; Điều 310; Điều 357, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là C đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn S. Buộc ông Nguyễn Văn S trả cho C số tiền nợ tính đến ngày 20 tháng 01 năm 2025 là 20.254.707 đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng) bao gồm các khoản sau:

- + Số tiền gốc còn lại: 9.759.091 đồng
- + Lãi trong hạn: 3.954.058 đồng
- + Tiền lãi quá hạn: 6.541.558 đồng.

Đình chỉ yêu cầu đòi phí thẩm định tài sản của C đối với ông Nguyễn Văn S.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là C cho rằng có cho bị đơn là ông Nguyễn Văn S vay tiền, khi vay ông S có ký hợp đồng cầm cố tài sản là xe máy nhãn hiệu Vision để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, từ đó phát sinh tranh chấp. Xét đây là vụ án tranh chấp hợp đồng cầm cố và vay tài sản, bị đơn là ông Nguyễn Văn S có nơi đăng ký thường trú tại ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: C yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả cho C số tiền nợ tính đến ngày 20 tháng 01 năm 2025 là 20.254.707đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng) trong đó: Số tiền gốc còn lại: 9.759.091đồng, lãi trong hạn: 3.954.058đồng, lãi quá hạn: 6.541.558đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, C đã giao nộp hợp đồng cầm cố tài sản số BHM201201018NA18X ngày 16 tháng 12 năm 2020 giữa C và ông Nguyễn Văn S.

[3.1] Xét hợp đồng cầm cố tài sản số BHM201201018NA18X ngày 16 tháng 12 năm 2020 giữa C và ông Nguyễn Văn S: Theo hợp đồng này, bên cầm cố là ông Nguyễn Văn S, bên nhận cầm cố là C. Nội dung hợp đồng thể hiện, số tiền cầm cố là 17.000.000đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2020, phương thức nhận tiền cầm cố là chuyển khoản. Hai bên thỏa thuận lãi suất đối với số tiền cầm cố là 1,1%/tháng tính trên dư nợ gốc thực tế kể từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; Phương thức thanh toán gốc, lãi vào ngày 16 hàng tháng, trong vòng 12 tháng kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2021, mỗi tháng trả 1.928.864,64đồng. Hợp đồng có chữ ký và viết tay của ông Nguyễn Văn S tại mục đại diện bên cầm cố và chữ ký và đóng dấu của đại diện C. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định giữa C và ông S có ký hợp đồng cầm cố tài sản và căn cứ Điều 310 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì hợp đồng phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm ký kết, tức ngày 16/12/2020.

Nguyên đơn cho rằng, sau khi ký hợp đồng đã chuyển tiền cho ông S, ông S đã thực hiện nghĩa vụ được 06 kỳ sau đó không thanh toán nữa.

Phía bị đơn là Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến về nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn vì vậy căn cứ Điều 72 và Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thấy rằng ông S đã tự mình từ bỏ quyền phản bác và chứng minh đối yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu mà nguyên đơn giao nộp. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn theo hợp

đồng cầm cố tài sản mà nguyên đơn và bị đơn đã ký kết. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại là 9.759.091đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu đòi nợ lãi của nguyên đơn đối với bị đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn với mức lãi suất là 1,1%/tháng tính trên dư nợ thực tế và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn tính trên dư nợ gốc. Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất mà hai bên thoả thuận trong hợp đồng cầm cố tài sản phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi tính đến hết ngày 20 tháng 01 năm 2025 là 10.495.616đồng, trong đó: Lãi trong hạn là 3.954.058đồng, lãi quá hạn là 6.541.558đồng.

[3.3] Đối với yêu cầu tính phí thẩm định giá: Nguyên đơn rút lại yêu cầu này, việc rút yêu cầu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đình chỉ giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C đối với ông Nguyễn Văn S.

Buộc ông Nguyễn Văn S trả cho C số tiền nợ tính đến hết ngày 20 tháng 01 năm 2025 là 20.254.707đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bảy năm lẻ bảy đồng) trong đó: Số tiền gốc còn lại: 9.759.091đồng, lãi trong hạn: 3.954.058đồng, lãi quá hạn: 6.541.558đồng. Đồng thời, ông S còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 21 tháng 01 năm 2025 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất theo thoả thuận trong hợp đồng cầm cố số BHM201201018NA18X ngày 16 tháng 12 năm 2020.

[3.4] Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 033182 Do Công an huyện C cấp ngày 28/09/2018 cho ông Nguyễn Văn S.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 033182 do Công an huyện C cấp ngày 28/09/2018 cho ông Nguyễn Văn S khi ông S trả hết nợ cho nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử xét căn cứ khoản 2, khoản 7, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: $20.254.707\text{đồng} \times 5\% = 1.012.735\text{đồng}$ (Một triệu không trăm mười hai nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng)

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 309, Điều 310, Điều 357, Điều 463, 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2, khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần S1 tiền có ngay đối với ông Nguyễn Văn S.

Buộc ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S1 tiền có ngay số tiền nợ tính đến hết ngày 20 tháng 01 năm 2025 là 20.254.707đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng) trong đó: Số tiền gốc còn lại: 9.759.091đồng (chín triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn không trăm chín mươi một đồng), lãi trong hạn: 3.954.058đồng (ba triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn không trăm năm mươi tám đồng), lãi quá hạn: 6.541.558đồng (sáu triệu năm trăm bốn mươi một ngàn năm trăm năm mươi tám đồng). Ông Nguyễn Văn S còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 21 tháng 01 năm 2025 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất theo thoả thuận trong hợp đồng cầm cố số BHM201201018NA18X ngày 16 tháng 12 năm 2020.

Đình chỉ yêu cầu đòi tiền phí thẩm định tài sản của Công ty cổ phần S1 tiền có ngay đối với ông Nguyễn Văn S.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 033182 do Công an huyện C cấp ngày 28/09/2018 cho ông Nguyễn Văn S khi ông S trả hết nợ cho Công ty cổ phần S1 tiền có ngay.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu 1.012.735đồng (Một triệu không trăm mười hai ngàn bảy trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần S1 tiền có ngay được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 752.000đồng (bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004810 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Nguyên đơn Công ty cổ phần S1 tiền có ngay và bị đơn Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Chúc Linh